

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1.1. Tên dự án: Kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2025

1.2. Tên gói thầu: SCTX-2025-71 Cung cấp ổ bi và vật tư kim khí bi phục vụ sản xuất mùa khô năm 2025

#### 1.3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại

#### 1.4. Chi tiết nguồn vốn: xuất kinh doanh năm 2025

1.5. Địa điểm: Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại - Phường chí Chí Linh – Thành phố Hải Phòng

1.6. Quy mô gói thầu: 1.742.362.838 VND

1.7. Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng

1.8. Loại hợp đồng: Trọn gói

1.9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Gói thầu: “SCTX-2025-71 Cung cấp ổ bi và vật tư kim khí bi phục vụ sản xuất mùa khô năm 2025: tại quyết định số: 3789/QĐ-PPC ngày 16 /7/2025.

1.10. Bảng tóm tắt: Mô tả hàng hóa/ ký mã hiệu/ thông số kỹ thuật/ tiêu chuẩn của hàng hóa

Các thông tin trong Mục này để hỗ trợ các nhà thầu khi lập các bảng giá theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Bảng 1.10.

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả hàng hóa/ ký mã hiệu/ thông số kỹ thuật/ tiêu chuẩn	Yêu cầu về xuất xứ	Cam kết cấp
1	Ổ bi NTA 3648 +2 bạc chặn	Bộ	4	NTA 3648 +2 bạc chặn	G7	CO, CQ
2	Ổ bi SKF 23224 CC/C3 W33	Cái	2	23224 CC/C3 W33	EU	CO, CQ
3	Ổ bi 24032 CC/C3W33	Cái	2	24032 CC/C3W33	EU	CO, CQ
4	Ổ bi 6016	Cái	4	6016	EU	CO, CQ

5	Ổ bi 6305-ZZ	Cái	4	6305-2Z	EU	CO, CQ
6	Ổ bi 6330 M/C3 SKF	Cái	2	6330 M/C3	EU	CO, CQ
7	Ổ bi 7220 BEP	Cái	2	7220 BEP	EU	CO, CQ
8	Ổ bi HM926710D/HM9 26749	Cái	2	HM926749 - HM926710D	G7	CO, CQ
9	Ổ bi 2308	Cái	4	2308 ETN9	EU	CO, CQ
10	Ổ bi 6317-2Z/C3	Cái	2	6317-2Z/C3	EU	CO, CQ
11	Thép tấm C45 D=8mm	Kg	1000	Thép tấm kích thước 8x1500x6000 mm hoặc 6x2000x6000mm thép: C45 dày 8mm		CO, CQ
12	Lưới thép chun 20x20x2	M2	240	20x20x2 mm		
13	Thép tấm CT20 d=6mm	Kg	423,9	CT20/ Q345B Tấm kích thước 6x1500x6000 mm hoặc 6x2000x6000mm thép, dày 6mm		CQ
14	Ống thép 12Cr1MoVG/GB5 310 phi 38x5	Kg	488,4	Ống thép đúc: 12Cr1MoVG tiêu chuẩn GB5310, kích thước phi 38x5x6000 mm		CO, CQ
15	Ổ bi SKF 22232CC/C3W33	Cái	2	22232CC/C3W33	EU	CO, CQ
16	Ổ bi 23248CC/C3W33	Cái	2	23248CC/C3W33	EU	CO, CQ
17	Ổ bi 6204 - 2Z	Cái	40	6204 - 2Z	EU	CO, CQ
18	Ổ bi 6310-2Z/C3	Cái	2	6310-2Z/C3	EU	CO, CQ
19	Ổ bi 7328 BCBM	Cái	1	7328 BCBM	EU	CO, CQ

20	Thép hardox 500 dày 10mm	m2	56	Thép tấm kích thước 10x1500x6000 mm hoặc 10x2000x6000mm thép: hardox 500 dày 10mm	EU	CO, CQ
21	Thép hardox 500 dày 6mm	m2	96	Thép tấm kích thước 6x1500x6000 mm hoặc 6x2000x6000mm thép: hardox 500 dày 6mm	EU	CO, CQ
22	Tôn mạ kẽm D =0.8 ly (Loại cuộn)	Kg	2000	Tôn mạ kẽm khổ rộng 1 mét hoặc 1,2 mét dày 0,8 mm		
23	Thép tấm dày 10mm	Kg	2472, 75	CT3/Q235 Tấm kích thước 10x1500x6000 mm hoặc 10x2000x6000mm dày 10mm		CQ

*Ghi chú:*

*G7: Là nhóm các nước công nghiệp gồm: Anh, Mỹ, Đức, Nhật Bản, Pháp, Canada và Italia, EU là các nước thuộc liên minh châu Âu.*

**Địa điểm cung cấp:** Kho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Ngày giao hàng sớm nhất: 02 ngày Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Ngày giao hàng muộn nhất: Ngày thứ 120 kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

- Mã ký hiệu hàng hóa nêu trên là mã ký hiệu của thiết bị hiện đang sử dụng tại các máy của Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại để nhà thầu tham khảo. Nhà thầu có thể chào hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn, nếu tương đương hoặc tốt hơn thì phải có tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất kèm theo E-HSDT và chứng minh tương đương hoặc tốt hơn.

- Nhà thầu tham gia phải chào đủ các mục hàng hóa trong bảng phạm vi cung cấp

- Các nội dung chi tiết được dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V

## **2. Yêu cầu về kỹ thuật**

### **2.1. Yêu cầu về chất lượng và các tiêu chuẩn hàng hóa chào thầu:**

- Hàng hóa chào thầu phải có tên, nhãn mác, mã hiệu, hãng sản xuất rõ ràng, thông số kỹ thuật đáp ứng đúng như yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT hoặc tương đương hoặc tốt hơn. Có tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất kèm theo E-HSDT để chứng minh tính phù hợp với hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT;

- Đối với hàng hóa chào thầu là tương đương hoặc tốt hơn thì phải có:

+ Tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất kèm theo E-HSDT để chứng minh tính phù hợp hoặc tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT;

Các tài liệu này phải có đầy đủ tính pháp lý, sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt; phải được kèm theo E- HSDT. (*Áp dụng cho các mục hàng hóa trong bảng tóm tắt: Mô tả hàng hóa/ ký mã hiệu 1.10*)

- Hàng hóa chào thầu là hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng;

- Hàng hóa chào thầu phải tuân thủ theo các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia mà hàng hóa có xuất xứ và không vi phạm các điều khoản quy định về quyền sở hữu công nghiệp Quốc gia, Quốc tế;

- Hàng hoá trong E- HSDT phải đảm bảo tính đồng bộ, tương thích về công nghệ sản xuất và kích thước lắp đặt với các thiết bị trong phạm vi gói thầu này đang sử dụng tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

## **2.2. Yêu cầu về số lượng hàng hóa chào thầu:**

- Hàng hóa cung cấp phải đầy đủ số lượng của tất cả các mục hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT

## **2.3. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa chào thầu**

- Hàng hóa chào thầu phải có xuất xứ như đã nêu trong yêu cầu về xuất xứ tại bảng tóm tắt: Mô tả hàng hóa/ ký mã hiệu 1.10 (nêu rõ, hãng, nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất, hãng sản xuất hàng hóa).

## **2.4. Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật, các chứng chỉ kèm theo E- HSDT**

- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất kèm theo E-HSDT để chứng minh hàng hóa là đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tương đương hoặc tốt hơn theo yêu cầu của E-HSMT. (*Áp dụng cho các mục hàng hóa có yêu cầu cấp CO, CQ trong bảng tóm tắt: Mô tả hàng hóa/ ký mã hiệu 1.10*)

- Nhà thầu phải cung cấp bảng thông số chứng minh tính đáp ứng về kỹ thuật và phải thể hiện, đầy đủ các thông số theo hệ thống ký hiệu ở lần cụ thể: Tiếp đầu ngữ (tiền tố); ký hiệu cơ bản; tiếp vị ngữ (hậu tố) có chú giải cho các ký hiệu đã nêu. (*Áp dụng cho các mục hàng hóa là ổ bi trong bảng tóm tắt: Mô tả hàng hóa/ ký mã hiệu 1.10*)

### **- Đối với hàng hóa nhà thầu chào là tương đương:**

+ Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất kèm theo E-HSDT để chứng minh hàng hóa là đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tương đương hoặc tốt hơn theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Bảng so sánh chứng minh tính tương đương hoặc tốt hơn của hàng hóa nhà thầu chào. Bảng so sánh phải thể hiện so sánh đầy đủ các thông số kỹ thuật. Đối với các ổ bi theo hệ thống ký hiệu ở lần cụ thể: Tiếp đầu ngữ (tiền tố); ký hiệu cơ bản; tiếp vị ngữ (hậu tố)

## **2.5. Yêu cầu về Các cam kết trong E-HSDT**

2.5.1. Nhà thầu phải cam kết cấp chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (CO), chứng chỉ chất lượng hàng hóa (CQ) khi giao hàng (*Áp dụng với tất cả các mục hàng hoá có yêu cầu trong bảng tóm tắt: Mô tả hàng hóa/ ký mã hiệu 1.10*).

+ Đối với hàng hoá Nhập khẩu: Nhà thầu cam kết cấp đầy đủ các chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hoá (CO), chứng chỉ chất lượng hàng hoá (CQ)- bản gốc hoặc bản sao có chứng

thực, hoặc đóng dấu của đơn vị nhập khẩu, tờ khai hải quan (*Hàng hóa do Nhà thầu trực tiếp nhập khẩu, phải trình tờ khai hải quan bản gốc hoặc bản sao có công chứng; Trường hợp hàng hóa do Nhà thầu mua thông qua các đại lý, phải nộp bản sao tờ khai hải quan có đóng dấu của đơn vị nhập khẩu*); (*Áp dụng với tất cả các mục hàng hóa có yêu cầu cam kết cấp CO, CQ trong bảng tổng tắt: Mô tả hàng hóa/ ký mã hiệu 1.10*).

+ Đối với hàng hóa là thiết bị sản xuất trong nước: Nhà thầu phải cam kết cấp chứng chỉ chất lượng sản phẩm;

2.5.2. Nhà thầu phải cam kết cung cấp xác nhận (chứng nhận) sản phẩm chính hãng hàng hóa cung cấp của nhà sản xuất hoặc đại lý ủy quyền hợp pháp trước khi giao hàng khi chủ đầu tư yêu cầu.

2.5.3. Nhà thầu phải cam kết đáp ứng tiến độ của ngày giao hàng muộn nhất theo yêu cầu trong bảng phạm vi cung cấp của E- HSMT

2.5.4. Đối với hàng hóa nhà thầu chào là tương đương hoặc tốt hơn phải kèm theo tài liệu chứng minh trong E-HSMT và phải cam kết đúng về các kích thước lắp đặt và hỗ trợ kỹ thuật lắp đặt khi chủ đầu tư yêu cầu.

2.5.6. Nhà thầu phải cam kết bảo hành theo yêu cầu tại tiểu mục 2.6 mục này..

2.5.7. Nhà thầu phải cam kết trong E-HSMT về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa nhà thầu cung cấp. Cam kết miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do nhà thầu cung cấp.

## **2.6. Yêu cầu về thời hạn bảo hành hàng hoá**

- Nhà thầu phải cam kết và bảo hành hàng hoá tối thiểu là 18 tháng kể từ khi nhập kho hoặc tối thiểu là 12 tháng kể từ khi đưa vào sử dụng tùy theo điều kiện nào đến trước.

- Trong thời gian bảo hành, thiết bị hư hỏng phải ngừng sửa chữa (theo trách nhiệm bảo hành) thì thời gian bảo hành được kéo dài thêm một khoảng thời gian tương ứng thời gian ngừng để khắc phục hư hỏng;

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành (trong thời hạn 05 ngày kể từ khi Chủ đầu tư yêu cầu bảo hành), Chủ đầu tư buộc phải sửa chữa, xử lý thì nhà thầu phải chịu chi phí sửa chữa đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

- Đối với tất cả các mục hàng hóa ngoài bảo hành về chất lượng hàng hóa, nhà thầu phải chịu trách nhiệm bảo hành về thông số kích thước, hình dạng của hàng hóa trong trường hợp lắp đặt không phù hợp với tiêu chuẩn của thiết bị.

## **3. Các yêu cầu khác:**

### **3.1. Yêu cầu về giao nhận, kiểm tra và thử nghiệm**

#### **3.1.1. Giao nhận hàng hóa**

##### ***Công tác chuẩn bị***

- Nhà thầu phải có đầy đủ các phương tiện, quy trình, biện pháp an toàn cho người, vật tư và tự chịu trách nhiệm liên quan trong quá trình bốc xếp, vận chuyển, bảo quản và giao nhận hàng hoá. Trong trường hợp do lỗi của nhà thầu làm thiệt hại đến sản xuất của Chủ

đầu tư thì nhà thầu phải có trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại hoặc chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng, tùy theo mức độ thiệt hại gây nên (nếu có);

- Tổ chức giao nhận hàng hoá tại địa điểm giao hàng là kho vật tư Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, phường Phả Lại, Thành phố Chí Linh, Hải Dương.

- Nhà thầu phải xuất trình các văn bản, tài liệu sau đây:

+ Các văn bản, chứng chỉ và tài liệu kỹ thuật như cam kết;

+ Hóa đơn GTGT (không viết tắt);

+ Tờ khai hải quan của hàng hóa nhập khẩu

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ toàn bộ các văn bản liên quan nêu trên của hàng hoá cung cấp cho Chủ đầu tư trước khi tổ chức nghiệm thu.

### ***3.1.2. Tổ chức kiểm tra chất lượng và nghiệm thu, giao nhận hàng hóa***

- Chủ đầu tư kiểm tra các thông số kỹ thuật, mác, mã, quy cách căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hoá do Nhà thầu cung cấp, hàng hóa phải đúng với Hồ sơ đấu thầu;

- Biên bản nghiệm thu hàng hóa làm căn cứ tính thời gian bảo hành và làm căn cứ cho hồ sơ thanh toán được quy định theo các điều kiện của Hợp đồng.

### **3.1.3. Kiểm tra thử nghiệm**

- Trong trường hợp cần tiến hành kiểm tra thử nghiệm làm căn cứ xác định chất lượng nghiệm thu hàng hóa, nếu kết quả đạt yêu cầu kỹ thuật thì Chủ đầu tư chịu mọi chi phí thử nghiệm. Nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật thì Nhà thầu chịu chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác. Chủ đầu tư từ chối không nghiệm thu hàng hoá.

**Mục 2. Bản vẽ:** E-HSMT này không có bản vẽ